

Số: 2090/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung/thay thế, bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐT BXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 5281/TTr-SYT ngày 24 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung/thay thế; bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế, cụ thể như sau:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính:

- Ban hành mới: 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Sửa đổi: 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22/01/2020, Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- Bãi bỏ: 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

- Ban hành mới: 03 quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp tỉnh.

- Bãi bỏ: 04 quy trình nội bộ, quy trình điện tử cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

(Quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 22/01/2020, Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 12/8/2020, Quyết định số 1578/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Y tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Y tế có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Y tế, UBND cấp huyện cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Y tế;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC (6 bộ), Công TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỎ SỬNG/THAY THẾ VÀ BỊ BÀI BỎ
THỦ TỤC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2030 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH

Sst	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
Lĩnh vực Giám định y khoa								
1	1.011798	Khám định mức độ khuyết tật với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cả nhân, cơ quan, tổ chức)	65 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Giám định y khoa (Số 02, đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm Giám định y khoa. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng Giám định y khoa	Căn cứ số Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức độ thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí định thẩm cấp giám định y khoa	- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ

¹ Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thc-quyet-dinh-cong-bo-chi-tiet.html?ma_quyet_dinh=77849)

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
		không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật					<p>tế;</p> <p>- Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLEDTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện;</p> <p>- Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/02/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.</p>	Khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện
2	1.011799	Khám định đôi với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp	65 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Trung tâm Giám định y khoa (Số 02, đường Đông P. Khói, Hòa Tam Tp.Biên Hòa, tỉnh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm Giám định y khoa. - Cơ quan có thẩm	Căn cứ số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức	- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
		pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	sơ / hợp lệ.	Đồng (Nai)	quyền quyết định: Hội đồng Giám định y khoa	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí định cấp giấy giám định y khoa	<p>ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>- Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;</p> <p>- Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLDTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện;</p> <p>- Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/02/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.</p>	liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLDTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
3	1.011800	<p>Khám giám định phúc quyết độ khuyết tật với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cả nhân, tổ cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định</p>	<p>95 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm Giám định y khoa (Số 02, đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)</p>	<p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm Giám định y khoa. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh, Trung ương</p>	<p>Căn cứ số Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy mức định thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí định giám định y khoa</p>	<p>- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế; - Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLDTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện</p>

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
							<p>chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện;</p> <p>- Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/02/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.</p>	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
Lĩnh vực Dược phẩm								
1	1.003613	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong	07 ngày kể từ ngày nhận	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế - Cơ quan	800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc

¹ Phần chữ in nghiêng là Nội dung sửa đổi

² Phần chữ in nghiêng là Nội dung sửa đổi

³ Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-quyet-dinh-cong-bo-chi-tiet.html?ma_quyet_dinh=77928)

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
2	1.004599	Cấp lại chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc mất)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvu.cong.dongnai.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế	500.000 đồng/hồ sơ	<p>pháp thi hành Luật Dược;</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.</p> <p>- Luật Dược ngày 06/4/2016;</p> <p>- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;</p> <p>- Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</p>

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
3	1.004596	Điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.dongnai.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế	500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo
Lĩnh vực Mỹ phẩm								
1	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ:	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế - Cơ quan có thẩm quyền quyết	1.600.000 đồng/hồ sơ	- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế Quy	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
			sơ theo quy định	http://dichvu.cong.dongn.ai.gov.vn	định: Sở Y tế		định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế; - Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.	Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế
2	1.009566	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvu.cong.dongn.ai.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế	500.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016; - Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm; - Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3246/QĐ-BYT ngày 16/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ²	Ghi chú ³
							- Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực được, mỹ phẩm.	

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Giám định y khoa			
1	1.000269	Thủ tục khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cả nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện
2	1.000272	Thủ tục khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	- Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện
3	1.000276	Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cả nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	
4	1.000278	Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	



QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/THAY THẾ VÀ BỊ BAI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
Lĩnh vực Giám định y khoa						
1	1.011798	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	65 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Giám định y khoa (Số 02, đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)		3
2	1.011799	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	65 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Giám định y khoa (Số 02, đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)		4

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
3	1.011800	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	95 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Giám định y khoa (Số 02, đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)		5

B. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ BỊ BÃI BỎ CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình
Lĩnh vực Giám định y khoa		
1	1.000269	Thủ tục khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác
2	1.000272	Thủ tục khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác
3	1.000276	Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật
4	1.000278	Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật

Phần II NỘI DUNG QUY TRÌNH

LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA

I. Thủ tục khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.

1. Thời hạn giải quyết: 65 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
2. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (65 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ sẽ hướng dẫn cụ thể)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	01 ngày
↓		
Khám tổng quát	Bác sĩ thụ lý hồ sơ	12 ngày
↓		
Khám chuyên khoa (lâm sàng, cận lâm sàng)	Bác sĩ giám định viên thuộc Hội đồng	30 ngày
↓		
Hội chẩn chuyên môn	Lãnh đạo Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	10 ngày
↓		
Họp Hội đồng Giám định Y khoa	Hội đồng Giám định Y khoa	01 ngày
↓		
Ban hành biên bản giám định y khoa	Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	10 ngày
↓		
Trả kết quả giám định	Bộ phận trả kết quả tại Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	01 ngày

II. Thủ tục khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.

1. Thời hạn giải quyết: 65 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

2. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (65 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ sẽ hướng dẫn cụ thể)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	01 ngày
↓		
Khám tổng quát	Bác sĩ thụ lý hồ sơ	12 ngày
↓		
Khám chuyên khoa (lâm sàng, cận lâm sàng)	Bác sĩ giám định viên thuộc Hội đồng	30 ngày
↓		
Hội chẩn chuyên môn	Lãnh đạo Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	10 ngày
↓		
Họp Hội đồng Giám định Y khoa	Hội đồng Giám định Y khoa	01 ngày
↓		
Ban hành biên bản giám định y khoa	Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	10 ngày
↓		
Trả kết quả giám định	Bộ phận trả kết quả tại Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	01 ngày

III. Thủ tục khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.

1. Thời hạn giải quyết: 95 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

2. Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (95 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ phúc quyết (Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ sẽ hướng dẫn cụ thể)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	01 ngày
Hội đồng Giám định Y khoa giải quyết lần 02	Hội đồng Giám định Y khoa	14 ngày
Nếu người khuyết tật, Đại diện hợp pháp của Người khuyết tật vẫn chưa đồng ý, có kiến nghị bằng văn bản gửi Hội đồng	Người khuyết tật, Đại diện hợp pháp của Người khuyết tật	15 ngày
Hội đồng Giám định Y khoa hoàn chỉnh hồ sơ gửi đến Hội đồng Giám định Y khoa Trung ương III	Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa	04 ngày
Hội đồng Giám định Y khoa Trung ương III giám định phúc quyết	Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa Trung ương III	60 ngày
Trả kết quả giám định	Cơ quan thường trực Hội đồng Giám định y khoa Trung ương III	01 ngày